

Số: 249 /TTr-UBND

Bù Đăng, ngày 06 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung
vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021 của HĐND huyện Bù Đăng về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện Bù Đăng kính trình HĐND huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

2. Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

II. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021 của HĐND huyện Bù Đăng.

1. Tổng kế hoạch vốn: 1.386.509 triệu đồng.

(Bằng chữ: Một ngàn ba trăm tám mươi sáu tỷ, năm trăm lẻ chín triệu đồng chẵn).



Trong đó:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 84.289 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 1.140.098 triệu đồng.
- Dự phòng: 162.122 triệu đồng.

*** Phân theo lĩnh vực:**

- Lĩnh vực hành chính: 127.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 521.193 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục: 718.316 triệu đồng.
- Lĩnh vực khác: 20.000 triệu đồng.

III. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.335.776 triệu đồng. Giảm 50.733 triệu đồng so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021.**

(Bằng chữ: Một ngàn ba trăm ba mươi lăm tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Điều chỉnh tên dự án và tổng mức đầu tư so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021 gồm 21 dự án, kế hoạch vốn đầu tư giảm 57.433 triệu đồng.

- Danh mục bổ sung mới so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021 gồm 12 dự án, kế hoạch vốn đầu tư tăng 56.700 triệu đồng.

- Danh mục dự án đưa ra khỏi Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021 gồm 04 dự án, kế hoạch vốn đầu tư giảm 50.000 triệu đồng.

*** Phân theo lĩnh vực:**

- Lĩnh vực hành chính kế hoạch vốn 129.000 triệu đồng, tăng 2.000 triệu đồng so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021.


- Lĩnh vực giao thông kế hoạch vốn 550.893 triệu đồng, tăng 29.700 triệu đồng so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021.

- Lĩnh vực giáo dục kế hoạch vốn 650.883 triệu đồng, giảm 67.433 triệu đồng so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021.

- Lĩnh vực khác kế hoạch vốn 5.000 triệu đồng, giảm 15.000 triệu đồng so với Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/7/2021.

(Kèm theo danh mục chi tiết kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư
công trung hạn giai đoạn 2021-2025)

UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

Trân trọng. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Các ban HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH




Trần Thanh Hòa

**DANH MỤC CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025.**

(Kèm theo Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 06/12/2021 của UBND huyện Bù Đăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
1	2	3	4	5	6	7	7
	TỔNG SỐ	1.403.216	67.440	1.335.776	1.186.737	149.039	
@	ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021	71.024	32.685	38.339	38.339	-	
	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 SANG NĂM 2021 ĐÃ HOÀN THÀNH	71.024	32.685	38.339	38.339	-	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	42.167	22.685	19.482	19.482	-	
1	Xây dựng khối 10 phòng học lầu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	9.617	7.185	2.432	2.432	-	
2	Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	16.800	7.000	9.800	9.800	-	
3	Xây dựng khối hiệu bộ, các phòng chức năng Trường THCS Bình Minh.	15.000	8.500	6.500	6.500	-	
4	Sửa chữa mương thoát nước trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Đăk Nhau	750	-	750	750	-	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	28.857	10.000	18.857	18.857	-	

S U N H I

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
1	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	12.857	10.000	2.857	2.857	-	
2	Đổi ứng vốn CTMTQG nông thôn mới	10.000	-	10.000	10.000	-	
3	Sửa chữa, nâng cấp bê tông nhựa các tuyến đường nội ô TTHC xã Thống Nhất	6.000		6.000	6.000	-	
@@	ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022	469.772	34.755	435.017	399.137	35.880	
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP	260.622	34.755	225.867	225.867	-	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	236.667	34.636	202.031	202.031	-	
1	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới).	23.500	9.636	13.864	13.864	-	
2	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	20.000	7.000	13.000	13.000	-	
3	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai.	20.000	8.000	12.000	12.000	-	
4	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	30.000	10.000	20.000	20.000	-	
5	Xây dựng 10 phòng lều Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đồng Nai	6.000	-	6.000	6.000	-	
6	Xây dựng 2 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	2.400	-	2.400	2.400	-	

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
7	Xây dựng 6 phòng lều Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nheu	3.600	-	3.600	3.600	-	
8	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Bom Bo, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng	2.800	-	2.800	2.800	-	
9	Xây dựng 8 phòng học lều Trường TH&THCS Trần Văn On, xã Bom Bo	4.800	-	4.800	4.800	-	
10	Xây dựng 04 phòng học (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn 6), 02 phòng học (điểm thôn 8) Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh.	4.800	-	4.800	4.800	-	
11	Xây dựng 10 phòng học lều và hạng mục phụ san lắp mặt bằng Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	6.500	-	6.500	6.500	-	
12	Xây dựng 4 phòng lều (điểm Bù Xa) Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn	2.400	-	2.400	2.400	-	
13	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH & THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai	600	-	600	600	-	
14	Xây dựng 10 phòng học lều Trường TH Đăk Nheu	6.000	-	6.000	6.000	-	
15	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	700	-	700	700	-	
16	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất	14.900	-	14.900	14.900	-	
17	Xây dựng 18 phòng học Trường TH Nguyễn Văn Trỗi xã Thống Nhất	12.000	-	12.000	12.000	-	



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
18	Xây dựng 08 phòng học, 06 phòng bộ môn Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu	9.800		9.800	9.800	-	
19	Xây dựng 16 phòng học Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn	10.277		10.277	10.277	-	
20	Xây dựng 18 phòng học Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong	14.990		14.990	14.990	-	
21	Xây dựng 15 phòng học THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất	10.500		10.500	10.500	-	
22	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất	1.400		1.400	1.400	-	
23	Xây dựng 12 phòng học lầu Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	8.400		8.400	8.400	-	
24	Xây dựng 10 phòng học lầu, 10 phòng bộ môn trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn	14.000		14.000	14.000	-	
25	Xây dựng 3 phòng học và 6 phòng bộ môn Trường TH Trần Quốc Toán, xã Đăk Nhau	6.300		6.300	6.300	-	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	6.955	119	6.836	6.836	0	
1	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	3.955	119	3.836	3.836	-	

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
2	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2)	3.000		3.000	3.000	-	
III	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	17.000	0	17.000	17.000	0	
1	XD khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới	17.000		17.000	17.000		
B	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI	209.150	0	209.150	173.270	35.880	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	54.700	0	54.700	49.230	5.470	
1	Xâm nhập nhựa tuyến đường thôn 6 đi thôn 7, xã Đoàn Kết	5.700		5.700	5.130	570	
2	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đường từ thôn Sơn Lợi đi Sơn Hòa, xã Thọ Sơn	3.900		3.900	3.510	390	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn từ khu 21 hộ thôn Đak La đi thôn Đak Xuyên, xã Đăk Nhau	5.400		5.400	4.860	540	
4	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ ngã ba ông Thoại đi xã Đắc Lua, huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai, xã Đăng Hà	8.700		8.700	7.830	870	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường DT755 ấp 5 - Nghĩa trang - ấp 4, xã Phước Sơn	5.100		5.100	4.590	510	
6	Xây dựng bãi tập kết chôn lấp rác thải cụm xã Phước Sơn - Thống Nhất - Đăng Hà	4.000		4.000	3.600	400	
7	Xây dựng bãi tập kết chôn lấp rác thải cụm xã Đăk Nhau - Đường 10	4.000		4.000	3.600	400	

[Red Stamp]

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
8	Xây dựng bãi tập kết chôn lấp rác thải cụm xã cụm xã Bình Minh - Bom Bo	4.000		4.000	3.600	400	
9	Nâng cấp, sửa chữa đường liên thôn 7 đi thôn 10 (đoạn bên đò), xã Bom Bo	4.900		4.900	4.410	490	
10	Xây dựng vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước đường nội bộ KDC Đức Lập	6.000		6.000	5.400	600	
11	Xây dựng hạ tầng khu đất mở rộng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Đức Phong	3.000		3.000	2.700	300	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	152.450	0	152.450	122.240	30.210	
1	XD 04 phòng học điểm thôn 2 và thôn 6 trường TH-THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai	2.800		2.800	2.520	280	
2	Xây dựng 4 phòng học (2 điểm lẻ) Trường TH Đoàn Kết, Xã Đoàn Kết	2.800		2.800	2.240	560	
3	Xây dựng 10 phòng học, 6 phòng bộ môn (điểm chính), các phòng và hạng mục khác trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết	14.500		14.500	11.600	2.900	
4	Xây dựng 06 phòng học, 06 phòng bộ môn và các hạng mục khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	11.100		11.100	8.880	2.220	

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
5	Xây dựng 8 phòng học, 2 phòng bộ môn và các hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà	10.100		10.100	8.080	2.020	
6	XD 02 phòng học điểm lẻ Sơn Lang và 01 phòng học điểm lẻ Sơn Tân Trường MG Hướng Dương, xã Phú Sơn	2.550		2.550	2.040	510	
7	Xây dựng 08 phòng học lầu, 06 phòng bộ môn Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong	11.000		11.000	8.800	2.200	
8	Xây dựng 6 phòng học và 02 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn	6.900		6.900	5.520	1.380	
9	Xây dựng Trường Mầm non Hoa Sen, xã Đoàn Kết	20.700		20.700	16.560	4.140	
10	Xây dựng Trường TH Đăk Nhau	30.000		30.000	24.000	6.000	
11	Xây dựng Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Đức Liễu	40.000		40.000	32.000	8.000	
III	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	2.000	0	2.000	1.800	200	
1	Nâng cấp sửa chữa Nhà ăn, khuôn viên Huyện ủy	2.000		2.000	1.800	200	



Handwritten signature or mark.

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
@@@	ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO	862.420	-	862.420	749.261	113.159	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	276.920	-	276.920	222.311	54.609	
1	Xây dựng 05 phòng hành chính, 02 phòng học, 02 phòng phụ trợ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10	5.050		5.050	4.545	505	
2	Xây dựng 16 phòng học trường TH Lê Văn Tám, xã Nghĩa Trung	10.400		10.400	8.320	2.080	
3	Xây dựng 09 phòng học, 11 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng	24.250		24.250	19.400	4.850	
4	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn	7.800		7.800	6.240	1.560	
5	Xây dựng 06 phòng học bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nguyễn.Thái Bình, xã Thống Nhất	7.350		7.350	5.880	1.470	
6	Xây dựng 09 phòng học bộ môn, 03 phòng hành chính, 02 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các hạng mục khác Trường THCS Võ Trường Toản, xã Phước Sơn	14.050		14.050	11.240	2.810	
7	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MG Hoa Hồng, xã Đăk Nhau	5.750		5.750	4.600	1.150	

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
8	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết, 12 phòng học bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Chu Văn An, xã Đăk Nhau	21.350		21.350	17.080	4.270	
9	Xây dựng 1 phòng học bộ môn và một số hạng mục khác Trường MN Minh Hưng, xã Minh Hưng.	1.350		1.350	1.215	135	
10	Xây dựng 02 phòng học, 01 phòng học bộ môn, 01 phòng hành chính, một số hạng mục Trường MG Đức Liễu, xã Đức Liễu	3.000		3.000	2.400	600	
11	Xây dựng 01 phòng học và một số hạng mục khác Trường MN Hòa Mĩ, thị trấn Đức Phong	1.350		1.350	1.215	135	
12	Xây dựng 02 phòng học, 05 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, 1 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác trường THCS Đức Liễu, xã Đức Liễu	7.650		7.650	6.120	1.530	
13	Xây dựng 01 phòng học, 01 phòng hành chính, và các hạng mục khác Trường MG Tuổi Thơ, xã Đức Liễu	2.050		2.050	1.640	410	
14	Xây dựng 02 phòng học, 01 phòng bộ môn và 02 phòng hành chính Trường MG Vành Khuyên, xã Bom Bo	3.000		3.000	2.400	600	
15	Xây dựng 01 phòng học và 02 phòng hành chính Trường MG Hoa Mai, xã Bình Minh	1.700		1.700	1.360	340	
16	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng bộ môn và 03 phòng hành chính Trường MG Sao Mai, xã Nghĩa Trung	4.350		4.350	3.480	870	



Lu hua

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
17	Xây dựng 07 phòng bộ môn, 01 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác Trường TH Xuân Hồng, xã Bình Minh	8.000		8.000	6.400	1.600	
18	Xây dựng 06 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung	10.000		10.000	8.000	2.000	
19	Xây dựng 15 phòng bộ môn, 03 phòng hỗ trợ, 03 phòng phụ trợ, 09 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình	39.020		39.020	31.216	7.804	
20	Xây dựng 03 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Quang Trung, xã Phú Sơn	7.000		7.000	5.600	1.400	
21	Xây dựng 05 phòng học bộ môn và các hạng mục khác Trường THCS Phan Bội Châu, thị trấn Đức Phong	6.000		6.000	4.800	1.200	
22	Xây dựng 07 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, xã Đức Liễu	8.700		8.700	6.960	1.740	
23	Xây dựng 05 phòng học bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Bình Minh, xã Bình Minh	6.350		6.350	5.080	1.270	
24	Xây dựng 02 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 02 phòng hỗ trợ học tập, 04 phòng phụ trợ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung	11.200		11.200	8.960	2.240	
25	Xây dựng 01 phòng học bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và các hạng mục khác Trường MG Tuổi Hồng, xã Nghĩa Bình	7.450		7.450	5.960	1.490	

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
26	Xây dựng 12 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính và các hạng mục khác trường THCS Minh Hưng, xã Minh Hưng	14.050		14.050	11.240	2.810	
27	Xây dựng 19 phòng bộ môn, 18 phòng hành chính, các phòng và các hạng mục khác Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	38.700		38.700	30.960	7.740	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	470.500	-	470.500	423.450	47.050	
1	Xâm nhập nhựa đường Ngã 3 ông Tám vào Ngã 3 Nông trường Phú Thịnh (02 đoạn)	4.500		4.500	4.050	450	
2	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo	4.000		4.000	3.600	400	
3	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km	5.000		5.000	4.500	500	
4	Sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn 7,8,9,10 dài 11 km, xã Bom Bo	5.000		5.000	4.500	500	
5	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km	15.000		15.000	13.500	1.500	
6	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10	4.000		4.000	3.600	400	
7	Thâm nhập nhựa nối dài Thôn 2 đi Thôn 5, xã Đường 10	6.000		6.000	5.400	600	
8	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt	60.000		60.000	54.000	6.000	



Handwritten signature or initials in the bottom right corner.

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
9	Xây dựng đường từ D1 nối dài thị trấn Đức Phong đi xã Minh Hưng	25.000		25.000	22.500	2.500	
10	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	10.000		10.000	9.000	1.000	
11	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong	30.000		30.000	27.000	3.000	
12	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết	2.000		2.000	1.800	200	
13	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đăk Nhau	24.000		24.000	21.600	2.400	
14	Nâng cấp đường từ QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng	4.000		4.000	3.600	400	
15	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)	50.000		50.000	45.000	5.000	
16	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đăng Hà dài 17km	25.000		25.000	22.500	2.500	
17	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2	43.000		43.000	38.700	4.300	
18	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung	20.000		20.000	18.000	2.000	
19	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức	5.000		5.000	4.500	500	
20	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng	15.000		15.000	13.500	1.500	

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
21	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	45.000		45.000	40.500	4.500	
22	Thâm nhựa nối tiếp đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến ngã tư Đak Xuyên	8.000		8.000	7.200	800	
23	Cầu Sơn Lang (qua Sông Lấp), xã Phú Sơn	6.000		6.000	5.400	600	
24	Đường liên xã khu 24, xã Bình Minh	6.000		6.000	5.400	600	
25	Nạo vét suối cầu 23 đến chợ Bù na, xã Nghĩa Trung	6.000		6.000	5.400	600	
26	Thâm nhập nhựa đường Đồi sao thôn 1 đi thôn 2 nối dài, xã Đường 10	5.000		5.000	4.500	500	
27	Cầu nối xã Đức Liễu và xã Phước Sơn	15.000		15.000	13.500	1.500	
28	Nâng cấp, sửa chữa đường Thôn 04 đi thôn 8 dài 6 km, xã Minh Hưng	15.000		15.000	13.500	1.500	
29	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai - thị trấn Đức Phong	8.000		8.000	7.200	800	
III	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	110.000	-	110.000	99.000	11.000	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	30.000		30.000	27.000	3.000	
2	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	50.000		50.000	45.000	5.000	

1 BÌNH

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án điều chỉnh	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
				Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
3	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	30.000		30.000	27.000	3.000	
IV	LĨNH VỰC KHÁC	5.000	-	5.000	4.500	500	
1	Cải tạo, nâng cấp chính trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng	5.000		5.000	4.500	500	